

lưu

**BỘ NỘI VỤ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **4949**/BC-BNV

Hà Nội, ngày **20** tháng 10 năm 2016

## **BÁO CÁO**

### **Số liệu nữ lãnh đạo, quản lý chính quyền các cấp cuối nhiệm kỳ 2011 - 2016**

Thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011 – 2020, Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 01 tháng 12 năm 2009 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ giai đoạn đến năm 2020 thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 27 tháng 4 năm 2007 của Bộ Chính trị về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; Quyết định số 56/2011/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển giới của quốc gia; để tiếp tục xây dựng chính sách, thể chế về công tác cán bộ nữ giai đoạn tiếp theo và thực hiện Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ (MDGs) tại Việt Nam về tăng cường bình đẳng giới và nâng cao năng lực, vị thế cho phụ nữ; trên cơ sở tổng hợp số liệu báo cáo của các bộ, ngành, địa phương, Bộ Nội vụ báo cáo số lượng, cơ cấu độ tuổi và tỷ lệ nữ lãnh đạo, quản lý chính quyền các cấp như sau:

#### **I. PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG**

##### **1. Phạm vi thống kê**

Phạm vi thống kê gồm:

- a) Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.
- b) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

##### **2. Đối tượng thống kê**

Đối tượng thống kê là cán bộ, công chức nữ giữ các chức danh lãnh đạo, quản lý tại các cơ quan nhà nước ở Trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã theo quy định tại Quyết định số 56/2011/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển giới của quốc gia và Thông tư số 07/2012/TT-BKHĐT ngày 22 tháng 10 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định nội dung Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển giới của quốc gia; Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển giới cấp tỉnh, huyện, xã, cụ thể gồm các chức danh sau:

- a) Ở Trung ương: Bộ trưởng, Thứ trưởng và tương đương, Tổng cục trưởng và tương đương, Phó Tổng cục trưởng và tương đương, Vụ trưởng và

tương đương, Phó Vụ trưởng và tương đương, Cấp Vụ trưởng và tương đương của các đơn vị trực thuộc, Cấp Phó Vụ trưởng và tương đương của các đơn vị trực thuộc.

b) Ở cấp tỉnh: Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Giám đốc Sở và tương đương, Phó Giám đốc Sở và tương đương.

c) Ở cấp huyện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân.

d) Ở cấp xã: Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân.

(Sau đây gọi chung các đối tượng nêu trên là nữ lãnh đạo, quản lý).

### **3. Số lượng, chất lượng báo cáo thống kê**

Đến nay, Bộ Nội vụ nhận được đầy đủ báo cáo số liệu của 30 bộ, ngành và 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Về cơ bản, báo cáo của các cơ quan, đơn vị bảo đảm chất lượng, cung cấp đầy đủ, chi tiết số liệu theo yêu cầu. Tuy nhiên, do một số ít cơ quan, đơn vị thống kê thiếu dữ liệu tổng số lãnh đạo chính quyền dẫn đến chênh lệch không đáng kể trong số liệu tổng hợp.

## **II. KẾT QUẢ THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU ĐỘ TUỔI NỮ LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ**

### **1. Ở Trung ương**

a) Về số lượng

Nữ giữ chức danh Bộ trưởng (1 người), Thứ trưởng và tương đương (13 người): 14/178 người, chiếm 7,86%.

Nữ giữ chức danh Tổng cục trưởng và tương đương (1 người), Phó Tổng cục trưởng và tương đương (12 người), Vụ trưởng và tương đương (118 người), Phó Vụ trưởng và tương đương (559 người), Cấp Vụ trưởng và tương đương của các đơn vị trực thuộc (105 người), Cấp Phó Vụ trưởng và tương đương của các đơn vị trực thuộc (455 người): 1250/7343 người, chiếm 17,02%.

Qua thống kê cho thấy, tỷ lệ nữ lãnh đạo cấp Tổng cục trưởng trở xuống đạt tỷ lệ cao ở các cơ quan: Thông tấn xã Việt Nam (41,76%), Bộ Tư pháp (31,17%), Đài tiếng nói Việt Nam (25,25%), Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (24,03%). Hầu hết các bộ, ngành đều có tỷ lệ nữ giữ chức danh Phó Vụ trưởng và tương đương đạt mức cao hơn so với các chức danh còn lại.

Tỷ lệ này đạt thấp ở các cơ quan: Bộ Công an (1,89%), Thanh tra Chính phủ (6,90%), Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (8,90%), Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam (9,23%), Bộ Giao thông vận tải (9,36%).

b) Về cơ cấu độ tuổi

Chức vụ	Cấp Vụ trưởng và tương đương trở lên			Cấp Phó Vụ trưởng và tương đương trở xuống		
	Dưới 40 tuổi	Từ 40 – dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi trở lên	Dưới 40 tuổi	Từ 40 – dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi trở lên
Tỷ lệ	3,88%	44,45%	51,67%	10,93%	54,44%	34,63%

Đối với chức danh cấp Vụ trưởng trở lên, tỷ lệ nữ lãnh đạo trên 50 tuổi chiếm tỷ lệ cao nhất; trong đó các Bộ Công an, Giáo dục và Đào tạo, Lao động – Thương binh và Xã hội, Tài chính, Thông tin và Truyền thông, Ủy ban Dân tộc có 100% nữ lãnh đạo, quản lý cấp Vụ trưởng trở lên trên 50 tuổi. Tuy nhiên, tại một số cơ quan như Đài Truyền hình Việt Nam có 80% nữ lãnh đạo, quản lý cấp Vụ trưởng dưới 40 tuổi; một số Bộ có tỷ lệ nữ lãnh đạo, quản lý cấp Vụ trưởng chủ yếu ở độ tuổi 40 đến dưới 50 tuổi, như: Bộ Giao thông vận tải (100%), Bộ Tư pháp (100%), Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (70%), Thông tấn xã Việt Nam (70%), Bộ Khoa học và Công nghệ (66,66%), Bộ Kế hoạch và Đầu tư (66,66%), Bộ Y tế (66,66%).

Đối với chức danh cấp Phó Vụ trưởng trở xuống, độ tuổi từ 40 đến dưới 50 tuổi chiếm tỷ lệ cao (54,44%), trong đó Bộ Tư pháp, Ủy ban Dân tộc, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Ban quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh có từ 90% trở lên nữ lãnh đạo, quản lý cấp Phó Vụ trưởng trở xuống ở độ tuổi này. Với độ tuổi dưới 40, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thanh tra Chính phủ có tỷ lệ nữ giữ chức danh này đạt cao, đều trên 30%.

## 2. Ở cấp tỉnh

### a) Về số lượng

Nữ giữ chức danh Chủ tịch Ủy ban nhân dân (1 người), Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân (15 người), Giám đốc Sở và tương đương (126 người), Phó Giám đốc Sở và tương đương (550 người): 692/5814 người, chiếm 11,90%.

Các tỉnh, thành phố Lạng Sơn, Tuyên Quang, Lào Cai, Hải Phòng, Cần Thơ có tỷ lệ nữ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh đạt mức cao, lần lượt là: 25,76%; 24,39%; 19,05%; 18,31%; 18%. Trong khi đó, các tỉnh, thành phố Hà Nội, Quảng Ngãi, Bạc Liêu có tỷ lệ nữ lãnh đạo, quản lý đạt thấp, đều dưới 5%.

### b) Về cơ cấu độ tuổi

Độ tuổi	Dưới 40 tuổi	Từ 40 – dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi trở lên
Tỷ lệ	12,42%	40,76%	46,82%

Theo thống kê, tỷ lệ nữ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh chiếm tỷ lệ cao nhất ở độ tuổi trên 50 tuổi, chênh lệch nhẹ so với tỷ lệ nữ lãnh đạo, quản lý ở độ tuổi từ 40 đến dưới 50 tuổi; cơ cấu nữ lãnh đạo, quản lý trẻ tuổi còn thấp. Trong đó, tỉnh Sơn La có tỷ lệ nữ lãnh đạo, quản lý dưới 40 tuổi chiếm tỷ lệ cao (87,5%); tiếp đến là các tỉnh Cà Mau, Sóc Trăng, Bà Rịa – Vũng Tàu, Hòa Bình có tỷ lệ trên 70% nữ lãnh đạo, quản lý có độ tuổi từ 40 đến dưới 50 tuổi; tỉnh Khánh Hòa, Điện Biên có đa số nữ lãnh đạo, quản lý từ 50 tuổi trở lên, chiếm trên 80%.

### 3. Ở cấp huyện

#### a) Về số lượng

Nữ giữ chức danh Chủ tịch Ủy ban nhân dân (26 người), Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân (223 người): 249/2495 người, chiếm 9,98%.

Một số tỉnh, thành phố có tỷ lệ nữ lãnh đạo, quản lý cấp huyện cao đạt từ 20% trở lên gồm: Bình Dương (24,24%), Thành phố Hồ Chí Minh (22,45%), Ninh Bình (20,69%), Bắc Kạn (20%), Trà Vinh (20%). Các tỉnh Tuyên Quang, Bắc Ninh, Hải Dương, Hà Tĩnh, Phú Yên, Gia Lai, Bến Tre có tỷ lệ nữ lãnh đạo, quản lý cấp huyện đạt thấp, đều dưới 5%.

Các tỉnh Cà Mau, Bình Thuận, Bình Định không có nữ lãnh đạo, quản lý tại cấp này.

#### b) Về cơ cấu độ tuổi

Độ tuổi	Dưới 40 tuổi	Từ 40 – dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi trở lên
Tỷ lệ	17,22%	51,32%	31,46%

Theo thống kê, độ tuổi của nữ lãnh đạo, quản lý cấp huyện chiếm tỷ lệ cao trong khoảng từ 40 đến dưới 50 tuổi. Tương tự như cấp tỉnh, nữ lãnh đạo, quản lý trẻ, dưới 40 tuổi còn chiếm tỷ lệ thấp tại cấp huyện.

Các tỉnh Sơn La, An Giang, Điện Biên, Lào Cai có tỷ lệ nữ lãnh đạo, quản lý cấp huyện trẻ dưới 40 tuổi với tỷ lệ lần lượt là 88,88%, 66,66%, 50%, 50%. Trong khi đó, 12 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có 100% nữ lãnh đạo, quản lý cấp huyện ở độ tuổi từ 40 đến dưới 50 tuổi, gồm Tuyên Quang, Lai Châu, Quảng Ninh, Bắc Ninh, Hà Nam, Hải Dương, Hưng Yên, Thừa Thiên Huế, Phú Yên, Bến Tre, Kiên Giang, Hậu Giang. Đồng thời, trên 70% nữ lãnh đạo, quản lý các tỉnh, thành phố Yên Bái, Hải Phòng, Ninh Bình, Quảng Ngãi, Kon Tum, Đồng Nai cũng ở trong độ tuổi này.

#### 4. Ở cấp xã

##### a) Về số lượng

Nữ giữ chức danh Chủ tịch Ủy ban nhân dân (572 người), Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân (2458 người): 3030/29224 người, chiếm 10,37%.

Thành phố Hồ Chí Minh là địa phương có tỷ lệ nữ lãnh đạo, quản lý cấp xã cao nhất (chiếm 32,18%). Tiếp theo là các tỉnh, thành phố Đà Nẵng (25,79%), Bình Dương (25,40%), Đồng Nai (24,80%), Bến Tre (21,29%). Nhiều tỉnh, thành phố có tỷ lệ nữ lãnh đạo, quản lý cấp xã đạt thấp dưới 5%, trong đó phần lớn là các tỉnh, thành phố tại miền Bắc.

##### b) Về cơ cấu độ tuổi

Độ tuổi	Dưới 40 tuổi	Từ 40 – dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi trở lên
Tỷ lệ	56,24%	32,75%	11,01%

Tại cấp xã, nữ lãnh đạo, quản lý cấp xã ở độ tuổi dưới 40 chiếm tỷ lệ cao, điển hình là ở các tỉnh, thành phố Sơn La, Hà Nam, Quảng Nam, Ninh Thuận, An Giang, Kiên Giang, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau đều đạt tỷ lệ trên 80%. Tại các tỉnh Thái Bình, Phú Thọ, Thái Nguyên, tỷ lệ nữ lãnh đạo, quản lý cấp xã dưới 40 tuổi chiếm tỷ lệ thấp (dưới 3%). Cá biệt, tỉnh Thái Bình không có nữ lãnh đạo, quản lý cấp xã dưới 40 tuổi và 100% nữ lãnh đạo, quản lý cấp huyện có độ tuổi trên 50 tuổi; tỉnh Thái Nguyên có 2,43% nữ lãnh đạo, quản lý cấp xã và 100% nữ lãnh đạo, quản lý cấp huyện có độ tuổi trên 50 tuổi.

### III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

#### 1. Tỷ lệ nữ lãnh đạo, quản lý các cấp còn thấp và chủ yếu ở vị trí cấp phó trong nhiệm kỳ 2011 - 2016

Theo thống kê từ báo cáo của các bộ, ngành, địa phương, cho đến nay tỷ lệ nữ lãnh đạo, quản lý các cấp đạt tỷ lệ thấp, dao động trong khoảng trên dưới 10% (ở Trung ương đạt 7,87% đối với nữ lãnh đạo chủ chốt các bộ, ngành và 17,02% đối với nữ lãnh đạo, quản lý từ cấp Tổng cục Trưởng trở xuống; ở cấp tỉnh đạt 11,90%, cấp huyện đạt 9,98%, cấp xã đạt 10,37%).

Tại Trung ương, trong tổng số 1250 nữ lãnh đạo, quản lý từ cấp Tổng cục trưởng trở xuống, chức danh Tổng cục trưởng và tương đương chiếm 0,08%, chức danh Phó Tổng cục trưởng và tương đương chiếm 0,96%, chức danh Vụ trưởng và tương đương chiếm 9,44%, chức danh Phó Vụ trưởng và tương đương chiếm 44,72%, chức danh cấp Vụ trưởng của các đơn vị trực thuộc chiếm 8,40%, chức danh cấp Phó Vụ trưởng của các đơn vị trực thuộc chiếm 36,40%.

Trong tổng số 692 nữ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh, chức danh Chủ tịch Ủy ban nhân dân chiếm 0,14%, chức danh Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân chiếm 2,17%, chức danh Giám đốc Sở chiếm 18,21%, chức danh Phó Giám đốc Sở chiếm 79,48%. Tại cấp huyện, trong tổng số 249 nữ lãnh đạo, quản lý cấp huyện, chức danh Chủ tịch Ủy ban nhân dân chiếm 10,44%, chức danh Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân chiếm 89,56%. Tại cấp xã, trong tổng số 3030 nữ lãnh đạo, quản lý, chức danh Chủ tịch Ủy ban nhân dân chiếm 18,88%, chức danh Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân chiếm 81,12%.

**2. Cơ cấu độ tuổi nữ lãnh đạo, quản lý có sự phân hóa rõ ở mỗi cấp theo xu hướng càng ở cấp thấp thì tỷ lệ nữ lãnh đạo, quản lý trẻ tuổi càng cao; tỷ lệ nữ lãnh đạo, quản lý trẻ tuổi ở cấp Trung ương còn thấp**

Ở Trung ương, độ tuổi nữ lãnh đạo, quản lý chủ yếu trên 50 tuổi đối với cấp Vụ trưởng trở lên và trong khoảng từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi đối với cấp Phó Vụ trưởng. Tuy nhiên, cơ cấu nữ lãnh đạo, quản lý trẻ tuổi còn thấp, tỷ lệ dưới 40 tuổi đạt 3,88% ở cấp Vụ trưởng trở lên và 10,79% ở cấp Phó Vụ trưởng trở xuống.

Tại các địa phương, ở độ tuổi nữ lãnh đạo, quản lý có xu hướng trẻ dần theo cấp tỉnh, huyện, xã: Ở cấp tỉnh, nữ lãnh đạo, quản lý trên 50 tuổi chiếm tỷ lệ cao nhất (46,82%); trong khi đó ở cấp huyện, độ tuổi nữ lãnh đạo, quản lý chủ yếu ở độ tuổi từ 40 đến dưới 50 tuổi (51,32%) và ở cấp xã, nữ lãnh đạo, quản lý chủ yếu dưới 40 tuổi (56,24%).

**3. Tỷ lệ nữ lãnh đạo, quản lý không đồng đều giữa các bộ, ngành Trung ương; giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và có sự chênh lệch khá rõ theo vùng, miền**

Tỷ lệ nữ lãnh đạo, quản lý không đồng đều giữa các bộ, ngành và giữa các tỉnh, thành phố. Tỷ lệ này dao động trong khoảng từ 1,89% đến 41,75% giữa các bộ, ngành Trung ương và trong khoảng từ 4,21% đến 25,75% ở cấp tỉnh, 0% đến 24,24% ở cấp huyện, 1,42% đến 32,18% ở cấp xã. Trong đó, Thông tấn xã Việt Nam, Bộ Tư pháp, Đài Tiếng nói Việt Nam có tỷ lệ nữ lãnh đạo, quản lý cấp Tổng cục trưởng trở xuống đạt tỷ lệ cao, chiếm trên 25%; trong 60 tỉnh, thành phố có báo cáo, thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Hải Phòng, tỉnh Lạng Sơn, tỉnh Kon Tum, tỉnh Đồng Nai có tỷ lệ nữ lãnh đạo, quản lý đạt tỷ lệ cao ở cả ba cấp. Đặc biệt, các tỉnh miền núi gồm Lào Cai, Hà Giang, Lai Châu, Kon Tum đều nằm trong số 10 tỉnh, thành phố có tỷ lệ nữ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh cao trong cả nước.

Theo cơ cấu vùng, miền, miền Bắc có tỷ lệ nữ lãnh đạo, quản lý cao nhất, sau đó đến Miền Trung và Miền Nam, bao gồm cả ở cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã: Về tỷ lệ chung, tỷ lệ nữ lãnh đạo, quản lý của miền Bắc chiếm 40,63%, miền Trung chiếm 32,57%, miền Nam chiếm 26,80%; theo cấp hành

chính, tỷ lệ lãnh đạo cấp tỉnh của miền Bắc, Trung, Nam lần lượt là 40,24%, 29,84%, 29,92%; cấp huyện: 39,25%, 33,35%, 27,40%; cấp xã: 40,83%, 33%, 26,17%.

#### **IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

Căn cứ thực trạng nữ lãnh đạo, quản lý các cấp nêu trên, Bộ Nội vụ kiến nghị, đề xuất như sau:

##### **1. Đề nghị Thủ tướng Chính phủ:**

a) Tiếp tục quan tâm, chỉ đạo thực hiện các biện pháp bảo đảm bình đẳng giới trong công tác cán bộ, nhất là trong xây dựng thể chế, chính sách để thúc đẩy bình đẳng giới và tạo nguồn nữ lãnh đạo, quản lý các cấp trong nhiệm kỳ tiếp theo.

b) Chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương tích cực đẩy mạnh thực hiện công tác cán bộ nữ và Quyết định số 515/QĐ-TTg ngày 31 tháng 3 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án thực hiện biện pháp bảo đảm bình đẳng giới đối với nữ cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2016 - 2020 nhằm đạt được mục tiêu mà Đảng và Nhà nước đã đề ra trong việc tăng cường sự tham gia của phụ nữ vào các vị trí lãnh đạo, quản lý, từng bước giảm dần khoảng cách giới trong lĩnh vực chính trị.

##### **2. Đề nghị các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ:**

a) Đẩy mạnh quán triệt chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác cán bộ nữ và bình đẳng giới để tạo nhận thức, hành động thống nhất trong cơ quan, đơn vị và trong ngành, lĩnh vực phụ trách.

b) Quan tâm tổ chức thực hiện công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, bổ nhiệm cán bộ nữ; có biện pháp, chương trình hành động cụ thể để tăng tỷ lệ nữ lãnh đạo, quản lý tại bộ, ngành Trung ương giai đoạn 2016 – 2021; tăng cường trách nhiệm người đứng đầu trong tổ chức thực hiện công tác cán bộ nữ theo thẩm quyền.

c) Chủ động phối hợp với Bộ Nội vụ đề xuất biện pháp, chính sách nhằm tăng tỷ lệ nữ lãnh đạo, quản lý trong ngành, lĩnh vực mình phụ trách giai đoạn 2016 – 2021.

##### **3. Đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:**

a) Đẩy mạnh tuyên truyền, quán triệt chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác cán bộ nữ và bình đẳng giới để tạo nhận thức, hành động thống nhất trong các cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý.

b) Chỉ đạo tổ chức thực hiện các biện pháp để bảo đảm bình đẳng giới trong quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, bổ nhiệm đối với nữ cán bộ, công

chức, viên chức tại cơ quan, tổ chức, đơn vị tại địa phương; chỉ đạo xây dựng kế hoạch, chương trình hành động cụ thể để tăng tỷ lệ nữ lãnh đạo, quản lý các cấp trên địa bàn.

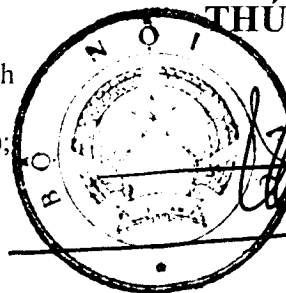
c) Chủ động phối hợp tinh ủy, thành ủy và Bộ Nội vụ đề xuất biện pháp, chính sách nhằm tăng tỷ lệ nữ lãnh đạo, quản lý các cấp giai đoạn 2016 - 2021.

Trên đây là báo cáo tổng hợp số liệu nữ lãnh đạo, quản lý chính quyền các cấp cuối nhiệm kỳ 2011 – 2016, Bộ Nội vụ xin báo cáo Thủ tướng Chính phủ././xal

**Nơi nhận:**

- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (để biết);
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW (để biết);
- Ban Tổ chức Trung ương (để biết);
- Trung ương Hội LHPNVN;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Nguyễn Trọng Thừa;
- Lưu: VT, TH.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Nguyễn Trọng Thừa**